

ASTYMIN LIQUID

Công thức cho 15 ml si rô chứa:

Hoạt chất:

L. Leucine	18.3 mg
L. Isoleucine	5.9 mg
L. Lysine Hydrochloride	25.0 mg
L. Phenylalanine	5.0 mg
L. Threonine	4.2 mg
L. Methionine	9.2 mg
L. Tryptophan	5.0 mg
L. Valine	6.7 mg
Thiamine hydro chloride	5.0 mg
Riboflavin	3.0 mg
(as Riboflavin sodium phosphate)	
Pyridoxine Hydrochloride	1.5 mg
Nicotinamide	25.0 mg
Calcium pantothenate	5.0 mg
Folic acid	0.75 mg
Cyanocobalamin	2.5 mcg
Ascorbic acid	40.0 mg
Vitamin A (as Synthetic retinol concentrate oily form)	2500 IU
Vitamin D3	200 IU
Alpha Tocopheryl acetate	7.5 IU

Tá dược:

Sodium Methyl hydroxy benzoate, Sodium propyl hydroxy benzoate, Liquid glucose, Sucrose, Sorbitol 70%, Caramel Liquid, Sodium hydroxide, Bronopol, Purified water.

Dạng bào chế: Si rô.

Qui cách đóng gói: Hộp/chai 60ml, Hộp/chai 110 ml.

Các đặc tính dược lý:

* Dược lực học:

Trong hệ tiêu hoá, lipid và carbohydrat là nguồn năng lượng, còn protein trong đó có amino acid, được xem là nguyên tố cần cho sự tạo thành các mô cơ thể. Sự bổ sung các amino acid thiết yếu đồng thời với sinh tố và chất khoáng sẽ tái tạo nguồn amino acid của cơ thể, cải thiện tình trạng dinh dưỡng của bệnh nhân, giảm thiểu nguy cơ nhiễm bệnh và giúp người bệnh chống trả hiệu quả các ứng xuất tâm lý (stress).

Các sinh tố trong Astymin liquid có nhiệm vụ:

Vitamin A: trong tăng trưởng và hoạt động của da, màng nháy, và của mắt khi nhìn ban đêm. Vitamin D điều hoà hấp thu calci cần thiết cho xương và răng. Vitamin E bảo vệ cấu trúc tế bào và lipid chống lại các sự huỷ hoại oxyhoá. Vitamin B₁ cần cho sự chuyển hoá của carbon hydrate, chức năng hoạt động của hệ thần kinh TW và dây thần kinh. Vitamin B₂ chuyển hoá năng lượng ở da và thị giác. Vitamin B₃ cần trong sự chuyển hoá protein và chức năng hệ thần kinh TW. Vitamin C có nhiệm vụ trong các mô liên kết, trong sự hấp thu sắt và tăng tốc độ lành các bệnh nhiễm khuẩn. Nicotinamid, Calci Pantothenat tham dự vào sự chuyển hoá năng lượng. Folic acid điều hoà sự tăng trưởng của tế bào, kể cả hồng cầu.

Sự kết hợp giữa amino acid với các vitamin trong công thức khiến Astymin liquid trở thành một dược phẩm đa năng đa hiệu trong điều trị, đồng thời là chất bổ sung dinh dưỡng ưu việt trong đời sống hàng ngày.

* Đặc tính dược động học:

Uống Astymin liquid, các amino acid được hấp thụ từ ruột đi thẳng vào hệ tuần hoàn và di chuyển tự do khắp cơ thể. Các amino acid này được luân luôn ở 1 trạng thái cân bằng động học giữa các tế bào và các dịch ngoại tế bào. Các tế bào và các mô sử dụng amino acid tùy theo nhu cầu của chúng và khi cần thiết. Các amino acid có thể liên kết lẫn nhau bằng nhiều thể thức khác nhau để tạo thành protein trong cơ thể. Nồng độ

aminoacid-huyết tương và sự bài thải vào nước tiểu đã được nghiên cứu trên người lớn, khoẻ mạnh bằng cách tiêm truyền tĩnh mạch 500 và 1000ml 1 dung dịch có 8 aminoacid (như trong công thức) phối hợp với alanine, arginine, aspartic acid, histidine, proline, serine, và tyrosine, aminoacetic acid. Nồng độ amino acid toàn phần trong huyết tương đạt đỉnh điểm tối đa vào đúng lúc khi hoàn tất tiêm truyền, tiếp đó là sự tự giảm nhanh và sự trở lại trị số gốc ban đầu sau 24 giờ. Amino acid-huyết tương phản ảnh đúng các chất trong dịch đã truyền. Sự gia tăng thể tích nước tiểu bài thải với số tăng amino acid trong nước tiểu (threonine, serine, glucin, histidine và leucine) đã tỉ lệ với thể tích dịch truyền chỉ định ban đầu. Các Vitamin đều hấp thụ trực tiếp qua ống tiêu hoá, một số được chuyển hoá phân phối vào các tế bào; vài chất chuyển hoá được bài thải theo nước tiểu và phân.

Chỉ định điều trị:

Bổ sung dinh dưỡng cho trẻ em đang trong thời kỳ tăng trưởng. Cung cấp dinh dưỡng, phục hồi sức khoẻ và chống mệt mỏi. Dùng cho bệnh nhân trong thời kỳ bị bệnh hoặc giai đoạn dưỡng bệnh, các trường hợp suy nhược cơ thể, các bệnh sốt, sau phẫu thuật, thương tích.

Chống chỉ định:

Mẫn cảm với các thành phần của thuốc.

Liều lượng và cách dùng:

Trẻ em từ 1 - 5 tuổi: 10ml /lần (2 thìa cà phê), ngày uống 1 lần.
Trẻ em trên 5 tuổi: 10ml /lần (2 thìa cà phê), ngày uống 2 lần.

Tác dụng không mong muốn:

Thuốc uống được dung nạp dễ dàng. Rất hiếm khi có buồn nôn, nôn hoặc tiêu chảy.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc

Thận trọng:

Ở những bệnh nhân thiếu năng thận, việc bổ sung aminoacid qua đường tĩnh mạch hoặc đường tiêu hoá có thể kéo theo hoặc làm nặng thêm trường hợp nhiễm acid chuyển hoá và tăng nitơ huyết.

Trong thời gian dùng thuốc, nước tiểu đôi khi có màu vàng do tác dụng của vitamin B₂.

Tương tác thuốc:

Chưa có thấy phát hiện gì về tương tác thuốc.

Phụ nữ có thai và nuôi con bú:

Không có vấn đề. Nhu cầu Amino acid tăng 65% ở phụ nữ có thai. Thuốc cần cho sự tăng trưởng của thai trong tạo mô mới, hormon, enzym.

Lái xe và vận hành máy:

Không có vấn đề.

Sử dụng quá liều:

Không có báo cáo về sử dụng quá liều cho đến nay.

Bảo quản:

Nơi khô mát, tránh ánh sáng, dưới 30°C.

Hạn dùng:

18 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn:

Nhà sản xuất

Để xa tầm tay trẻ em.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ.

Sản xuất bởi: TABLETS (INDIA) LIMITED

179, T.H. Road, Chennai 600 081, INDIA

Đăng ký bởi:

S.I.A (TENAMYD CANADA) INC

THUỐC CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thanh